

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bá Tiến	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Minh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Anh	Ủy viên
Ông Khuất Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Khuất Minh Hà	Tổng Giám đốc
Bà Lê Nguyễn Mai Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Hồng Vân	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Tất Hiếu	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hồng Điệp	Thành viên
Bà Hoàng Nhật Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Bá Tiến

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TK	Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
				VND	VND
	100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		92.388.740.580	93.972.541.874
	110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	4.226.964.597	14.511.548.352
	111	1. Tiền		4.226.964.597	14.511.548.352
	120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	81.624.548	89.709.738
	121	1. Chứng khoán kinh doanh		144.664.480	144.664.480
2291	122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(63.039.932)	(54.954.742)
	130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		86.373.766.554	76.718.608.236
131	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	28.623.924.275	22.095.421.128
331N	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		677.055.900	306.023.390
	136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	57.072.786.379	54.317.163.718
	140	IV. Hàng tồn kho		-	102.205.068
	141	1. Hàng tồn kho		-	102.205.068
	150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.706.384.881	2.550.470.480
242	151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.410.773.598	1.790.204.000
133	152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	320.677.958
	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	295.611.283	439.588.522
	200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		36.806.479.707	29.129.719.222
	210	I. Các khoản phải thu dài hạn		938.866.809	961.509.500
	216	1. Phải thu dài hạn khác	7	938.866.809	961.509.500
	220	II. Tài sản cố định		2.287.497.949	19.182.200.521
	221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.287.497.949	19.182.200.521
211	222	- Nguyên giá		5.877.877.750	33.853.207.671
2141	223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.590.379.801)	(14.671.007.150)
	250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	32.341.510.701	7.407.288.552
222	252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.683.733.938	7.407.288.552
2281	253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.657.776.763	-
	260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.238.604.248	1.578.720.649
242D	261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.148.139.428	1.578.720.649
2288D	268	2. Tài sản dài hạn khác		90.464.820	-
	270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		129.195.220.287	123.102.261.096

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

TK	Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
				VND	VND
	300	C. NỢ PHẢI TRẢ		54.305.850.010	46.243.564.408
	310	I. Nợ ngắn hạn		53.873.031.542	45.942.370.357
331	311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	20.474.778.459	19.749.256.289
131C	312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	12.738.178.213	18.880.215.247
	313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.398.586.891	102.200.877
334	314	4. Phải trả người lao động		3.275.308.301	2.550.369.004
335	315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	614.438.556	72.955.634
	319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	4.665.048.237	2.331.897.256
	320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	10.500.000.000	2.048.783.165
	322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		206.692.885	206.692.885
	330	II. Nợ dài hạn		432.818.468	301.194.051
347	341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.a	432.818.468	301.194.051
	400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		74.889.370.277	76.858.696.688
	410	I. Vốn chủ sở hữu	16	74.889.370.277	76.858.696.688
	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000	40.000.000.000
41111	411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000	40.000.000.000
4112	412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(10.000.000)	(10.000.000)
419	415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000)	(20.000)
414	418	4. Quỹ đầu tư phát triển		17.451.867.204	17.543.388.252
	421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.001.392.628	3.707.547.746
4211	421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.199.069.594	1.338.260.014
4212	421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.802.323.034	2.369.287.732
429	429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		12.446.130.445,00	15.617.780.690
	440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		129.195.220.287	123.102.261.096

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Tiến
Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	504.831.000.830	613.949.279.656
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		504.831.000.830	613.949.279.656
11	4. Giá vốn hàng bán	19	459.919.009.368	574.689.853.987
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.911.991.462	39.259.425.669
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	16.220.025.832	1.301.776.838
22	7. Chi phí tài chính	21	499.386.948	236.509.292
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		444.354.141	81.584.958
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(723.554.614)	(459.642.553)
25	9. Chi phí bán hàng	22	19.296.364	476.652.360
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	41.164.303.242	37.291.773.110
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.725.476.126	2.096.625.192
31	12. Thu nhập khác	24	22.001.049	1.965.530.671
32	13. Chi phí khác	27	16.573.508.715	410.614.330
40	14. Lợi nhuận khác		(16.551.507.666)	1.554.916.341
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.173.968.460	3.651.541.533
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	1.094.482.180	500.384.460
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.b	131.624.417	301.194.051
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>947.861.863</u>	<u>2.849.963.022</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2.802.323.034	2.369.287.732
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(1.854.461.171)	480.675.290
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	701	694

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lậpĐào Hồng Vân
Kê toán trưởngNguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		98.949.374	3.651.541.533
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		887.668.941	1.448.323.807
03	- Các khoản dự phòng		8.085.190	16.748.477
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(34.419.857)	(113.740.321)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		2.071.999.865	(2.590.652.420)
06	- Chi phí lãi vay		444.354.141	81.584.958
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(7.636.036)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.469.001.618	2.493.806.034
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(136.433.061.902)	(10.873.236.694)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		102.205.068	24.422.493
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		113.177.612.216	(2.432.765.948)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		541.898.119	(630.501.577)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(134.507.583)	(78.629.324)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(267.501.999)	(1.628.164.379)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(365.739.050)	(545.003.421)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.910.093.513)	(13.670.072.816)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.093.328.908)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		590.909.090	2.877.606.035
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.688.067.613)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	300.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.389.538.388	1.091.838.442
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.980.447.478	1.488.047.956
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		797.287.200	13.630.450.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		17.617.060.634	7.989.970.731
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(9.165.843.799)	(5.941.187.566)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.656.763.485)	(3.411.135.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.591.740.550	12.268.097.415

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Năm 2019**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.337.905.485)	86.072.555
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.511.548.352	14.363.540.408
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		53.321.730	61.935.389
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>4.226.964.597</u>	<u>14.511.548.352</u>

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập



Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 40.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 40.000.000.000 đồng; tương đương 4.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ vui chơi, giải trí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý bán vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh hướng dẫn du lịch; lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nh

Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long thực hiện tăng vốn cho cổ đông hiện hữu không bao gồm Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội dẫn đến khoản đầu tư vào công ty con thành khoản đầu tư khác. Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng khách sạn mới dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm giảm mạnh. Khi thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long từ ngày 01/01/2020 đến ngày Công ty mẹ mất quyền kiểm soát ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất. Bên cạnh đó, doanh thu và giá vốn của Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam năm 2019 giảm 36,25% so với năm 2018. Tất cả các điều trên khiến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm khoảng 5,6 tỷ đồng, tương ứng 14,4% so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch
Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản	Nhật Bản	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: xem chi tiết tại Thuyết minh số 3.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Thuế suất thuế TNDN

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, dịch vụ và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Nhật Bản

Vào ngày 28/08/2019, Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội đã hoàn tất việc góp 4.080.000 Yên Nhật (quy đổi bằng 899.272.800 đồng) tương đương với 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Nhật Bản, một Công ty cổ phần được thành lập tại Nhật Bản theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có mã số pháp nhân là 0113-01-025109 do Chi cục Suginami, Sở Pháp vụ Tokyo cấp ngày 06/06/2019 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Nhật Bản là dịch vụ du lịch. Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội đầu tư cho mục đích mở rộng kinh doanh.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	593.058.483	2.805.008.441
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.633.906.114	11.706.539.911
	<u>4.226.964.597</u>	<u>14.511.548.352</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	144.664.480	81.624.548	(63.039.932)	89.709.738
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	<i>144.664.480</i>	<i>81.624.548</i>	<i>(63.039.932)</i>	<i>89.709.738</i>
	144.664.480	81.624.548	(63.039.932)	89.709.738
				(54.954.742)
				(54.954.742)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019		01/01/2019	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết				VND
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Thành phố Hà Nội	50%	50%	6.683.733.938
- Công ty TNHH TWX Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	35%	35%	5.786.740.090
				896.993.848
				6.683.733.938
				7.407.288.552
				6.141.627.532
				1.265.661.020
				7.407.288.552

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm. Xem thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	25.657.776.763	-	-	-
- Công ty Cổ phần Ngắm cảnh Việt Nam (*)	4.120.570.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long (**)	21.537.206.763	-	-	-
	25.657.776.763	-	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Ngắm cảnh Việt Nam (*)	Hà Nội	17,00%	17,00%	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long (**)	Tỉnh Quảng Ninh	16,12%	16,12%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng

(*) Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội số 02/2019/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2019 về việc mua lại cổ phần chào bán của Công ty cổ phần Ngắm cảnh Việt Nam. Công ty cam kết góp vốn 17% vốn điều lệ tương ứng góp 5.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2019, Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội thực góp 4.120.570.000 đồng.

(**) Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long thực hiện tăng vốn từ 24.408.687.677 đồng lên 120.748.607.677 đồng cho cổ đông hiện hữu không bao gồm Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 03 năm 2019 dẫn đến tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội giảm từ 79,73% xuống 16,12%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- CATAI Tour	11.439.450.000	-	6.282.663.960	-
- Myanmar Gold (ASIAN Continent)	405.086.870	-	920.129.475	-
- Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế Trung Thịnh Thượng Hải	1.737.639.513	-	8.217.086.630	-
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	2.753.140.000	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	12.288.607.892	-	6.675.541.063	-
	28.623.924.275	-	22.095.421.128	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	2.753.140.000	-	445.962.355	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	6.900.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	21.806.450	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.525.561	-	1.385.036	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	201.267	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	89.452	-	-	-
Tạm ứng	49.852.047.906	-	43.857.331.041	-
Phải thu vé máy bay	4.930.605.799	-	3.887.843.023	-
Phải thu tiền chi hộ tái cơ cấu công ty con	-	-	1.287.014.316	-
Phải thu Công ty CP Ngắm Cảnh Việt Nam	192.452.392	-	4.313.022.392	-
Phải thu khác	2.094.864.002	-	941.861.460	-
	57.072.786.379	-	54.317.163.718	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	938.866.809	-	961.509.500	-
	938.866.809	-	961.509.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	27.343.730.920	645.136.390	5.864.340.361	33.853.207.671
- Thanh lý, nhượng bán	-	(353.819.117)	(1.300.727.273)	(1.654.546.390)
- Giảm khác (*)	(26.320.783.531)	-	-	(26.320.783.531)
Số dư cuối năm	1.022.947.389	291.317.273	4.563.613.088	5.877.877.750
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	11.460.567.905	298.385.261	2.912.053.984	14.671.007.150
- Khấu hao trong năm	40.917.900	47.012.617	799.738.424	887.668.941
- Thanh lý, nhượng bán	-	(353.819.117)	(727.638.030)	(1.081.457.147)
- Giảm khác (*)	(10.886.839.143)	-	-	(10.886.839.143)
Số dư cuối năm	614.646.662	(8.421.239)	2.984.154.378	3.590.379.801
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	15.883.163.015	346.751.129	2.952.286.377	19.182.200.521
Tại ngày cuối năm	408.300.727	299.738.512	1.579.458.710	2.287.497.949

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 291.317.273 đồng.

(*) Giảm khác do giảm tài sản của Công ty con thành khoản đầu tư khác.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí dịch vụ thuê văn phòng	74.248.182	140.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.416.667	-
Chi phí vé máy bay	1.223.742.000	1.623.708.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	106.366.749	26.496.000
	1.410.773.598	1.790.204.000
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	221.901.131	416.698.352
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	440.226.240	1.054.751.630
Chi phí trả trước dài hạn khác	486.012.057	107.270.667
	1.148.139.428	1.578.720.649

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP Du thuyền Năm sao Tuần Châu	1.306.530.775	1.306.530.775	1.480.099.354	1.480.099.354
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hải Vân Nam (Khách sạn Havana)	-	-	3.564.154.300	3.564.154.300
- Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	880.826.524	880.826.524	1.402.587.721	1.402.587.721
- Công ty TNHH Du lịch Minh Việt	981.526.000	981.526.000	976.751.364	976.751.364
- Công ty TNHH Thương mại Du lịch Dịch vụ Con Sẻ Tre	1.505.092.600	1.505.092.600	-	-
- Công ty TNHH Hương Hải (Indochina Sails)	1.629.555.750	1.629.555.750	745.404.875	745.404.875
- Phải trả các đối tượng khác	14.171.246.810	14.171.246.810	11.580.258.675	11.580.258.675
	20.474.778.459	20.474.778.459	19.749.256.289	19.749.256.289

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A, Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	10.542.982		101.035.956		4.590.290.765		3.998.470.790		-		682.312.949	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	423.615.540		-		1.102.944.500		267.501.999		293.697.950		705.524.911	
Thuế Thu nhập cá nhân	5.430.000		1.164.921		148.577.046		145.368.062		1.913.333		857.238	
Các loại thuế khác	-		-		146.745.654		136.853.861		-		9.891.793	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		7.630		7.630		-		-	
	439.588.522		102.200.877		5.988.565.595		4.548.202.342		295.611.283		1.398.586.891	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Đại lý Du lịch Hàng không Quốc tế Vân Nam	2.900.000.000	4.150.000.000
Công ty TNHH du lịch thông tin quốc tế Thành Đô, Chi nhánh Cẩm Giang	3.200.000.000	6.600.000.000
Khách Lotus Travel	3.046.235.053	3.587.676.280
Phải trả các đối tượng khác	3.591.943.160	4.542.538.967
	<u>12.738.178.213</u>	<u>18.880.215.247</u>

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	312.802.192	2.955.634
- Chi phí phải trả khác	301.636.364	70.000.000
	<u>614.438.556</u>	<u>72.955.634</u>

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	82.668.012	16.103.894
- Bảo hiểm xã hội	-	29.601.618
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	508.086.115	172.850.400
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	1.500.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.574.294.110	113.341.344
	<u>4.665.048.237</u>	<u>2.331.897.256</u>
b) Phải trả khác là các bên liên quan	<u>1.500.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sở giao dịch	2.048.783.165	2.048.783.165	7.117.060.634	9.165.843.799	-	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long (*)	-	-	10.500.000.000	-	10.500.000.000	10.500.000.000
	2.048.783.165	2.048.783.165	17.617.060.634	9.165.843.799	10.500.000.000	10.500.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (*) Trong năm 2019, Công ty thực hiện khoản vay theo các hợp đồng tín dụng với Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long được chi tiết như sau:
 - + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực;
 - + Lãi suất cho vay: 8.4%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.500.000.000 đồng;
 - + Các hình thức đảm bảo khoản vay: Vay không có đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A, Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng			
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	-	-	15.992.121.555	6.493.507.828	11.830.853.847	64.316.483.230		
Tăng vốn trong năm trước	10.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	-	(2.399.980.000)	6.347.157.523	13.937.157.523		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.369.287.732	480.675.290	2.849.963.022		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.551.266.697	(3.671.773.376)	(1.911.000.000)	(4.031.506.679)		
Tăng khác do tăng vốn tại công ty con	-	-	-	-	1.021.918.933	(1.028.626.456)	(6.707.523)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi của công ty con	-	-	-	-	(105.413.371)	(101.279.514)	(206.692.885)		
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	17.543.388.252	3.707.547.746	15.617.780.690	76.858.696.688		
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	17.543.388.252	3.707.547.746	15.617.780.690	76.858.696.688		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	727.303.948	(1.854.461.171)	(1.127.157.223)		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.599.999.200)	(392.000.000)	(1.991.999.200)		
Tăng khác do tăng vốn tại công ty con	-	-	-	(91.521.048)	91.521.048	(1.722.476.274)	(1.722.476.274)		
Đầu tư góp vốn vào Công ty con	-	-	-	-	-	797.287.200	797.287.200		
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	17.451.867.204	2.926.373.542	12.446.130.445	72.814.351.191		

Trong năm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

Phân phối lợi nhuận	Công ty mẹ	Các công ty con	Cộng
	VND	VND	VND
Chi trả cổ tức (bằng 4% mệnh giá)	1.600.000.000	800.000.000	2.400.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	361.214.733	-	361.214.733

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Nguyễn Bá Tiến	6,04%	2.415.360.000	6,04%	2.415.360.000
Đặng Thị Minh Chi	10,16%	4.065.650.000	10,16%	4.065.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,00%	1.999.500.000	5,00%	1.999.500.000
Nguyễn Thị Kim Ngân	5,00%	1.999.500.000	5,00%	1.999.500.000
Trần Ngọc Nhật	18,13%	7.251.520.000	18,13%	7.251.520.000
Hoàng Tùng	5,57%	2.227.710.000	5,57%	2.227.710.000
Công ty TNHH NN Một thành viên XNK và Đầu tư Hà Nội	9,80%	3.919.020.000	9,80%	3.919.020.000
Nguyễn Thị Minh Yến	11,91%	4.762.800.000	11,91%	4.762.800.000
Khuất Minh Hà	12,60%	5.044.730.000	12,60%	5.044.730.000
Các cổ đông khác	15,79%	6.314.190.000	15,79%	6.314.190.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	20.000	0,00%	20.000
	100%	40.000.000.000	100%	40.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	10.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận tại Công ty mẹ		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	172.850.400	172.986.150
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	1.599.999.200	3.900.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.599.999.200	3.900.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(1.264.763.485)	(1.500.135.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(1.264.763.485)	(1.500.135.750)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(2.399.980.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(2.399.980.000)
- Cổ tức là cổ phiếu lẻ được xử lý	-	(20.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	508.086.115	172.870.400

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2	2
- Cổ phiếu phổ thông	2	2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.999.998	3.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	3.999.998	3.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.451.867.204	17.543.388.252
	17.451.867.204	17.543.388.252

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại đường Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2001 đến năm 2030. Diện tích khu đất thuê là 305m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20.888,78	51.415,34
- Đồng Euro (EUR)	347,86	409,12

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	504.831.000.830	613.949.279.656
	504.831.000.830	613.949.279.656
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	-	1.130.714.516

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	459.919.009.368	574.689.853.987
	459.919.009.368	574.689.853.987
Giá vốn đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	-	92.695.452

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	355.173.609	30.861.299
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	1.027.464.779	1.060.977.143
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	40.400.913	96.198.075
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	36.926.543	113.740.321
Lợi nhuận hợp nhất kinh doanh (*)	14.760.059.988	-
	16.220.025.832	1.301.776.838
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	708.066.082	1.073.273.629

(*) Lãi do hợp nhất Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long trước khi thành khoản đầu tư khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	444.354.141	81.584.958
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	44.440.931	92.721.312
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.506.686	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	8.085.190	16.748.477
Chi phí tài chính khác	-	45.454.545
	499.386.948	236.509.292

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	-	208.194.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.296.364	268.458.290
	19.296.364	476.652.360

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	378.190.321	351.656.301
Chi phí nhân công	22.776.533.454	19.310.914.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	887.668.941	894.047.354
Thuế, phí, lệ phí	57.032.656	423.712.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.432.749.903	6.656.554.921
Chi phí khác bằng tiền	7.632.127.967	9.654.887.040
	41.164.303.242	37.291.773.110

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	17.819.847	-
Tiền thu từ bồi thường di dời khỏi tòa nhà số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	-	1.958.456.531
Thu nhập khác	4.181.202	7.074.140
	22.001.049	1.965.530.671

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định (*)	15.433.944.388	175.668.060
Các khoản bị phạt	266.611.748	174.168.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	-	60.763.814
Trợ cấp thôi việc	460.940.500	-
Chi phí thanh lý hợp đồng	412.000.000	-
Chi phí khác	12.079	13.802
	16.573.508.715	410.614.330

(*) Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long là Công ty con của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội từ ngày 01/01/2019 đến ngày 15/07/2019. Trong thời gian đó, Công ty thực hiện phá dỡ khách sạn cũ có giá trị còn lại là 15.433.944.388 đồng để thực hiện dự án xây dựng khách sạn mới. Do đó giá trị còn lại của của tài sản này được ghi nhận vào chi phí khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	130.038.242	245.179.814
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	964.443.938	255.204.646
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.094.482.180	500.384.460
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN phải nộp năm nay	(7.636.036)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(423.615.540)	704.164.379
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(251.403.643)	(1.628.164.379)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	411.826.961	(423.615.540)

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	432.818.468	301.194.051
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	432.818.468	301.194.051

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	131.624.417	301.194.051
	131.624.417	301.194.051

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	727.303.948	2.369.287.732
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	727.303.948	2.369.287.732
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.999.998	3.413.294
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	182	694

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.985.073.063	3.567.378.555
Chi phí nhân công	151.806.272.082	96.102.576.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	887.668.941	1.448.323.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	298.715.154.158	372.942.514.469
Chi phí khác bằng tiền	47.813.929.817	138.397.486.085
	501.208.098.061	612.458.279.457

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.226.964.597	-	14.511.548.352	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	86.635.577.463	-	77.374.094.346	-
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	(63.039.932)	144.664.480	(54.954.742)
	91.007.206.540	(63.039.932)	92.030.307.178	(54.954.742)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	10.500.000.000	2.048.783.165
Phải trả người bán, phải trả khác	25.139.826.696	22.081.153.545
Chi phí phải trả	614.438.556	72.955.634
	36.254.265.252	24.202.892.344

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư ngắn hạn	81.624.548	-	-	81.624.548
	81.624.548	-	-	81.624.548
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư ngắn hạn	89.709.738	-	-	89.709.738
	89.709.738	-	-	89.709.738

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.226.964.597	-	-	4.226.964.597
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.696.710.654	938.866.809	-	86.635.577.463
	89.923.675.251	938.866.809	-	90.862.542.060
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.511.548.352	-	-	14.511.548.352
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.412.584.846	961.509.500	-	77.374.094.346
	90.924.133.198	961.509.500	-	91.885.642.698

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	10.500.000.000	-	-	10.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.139.826.696	-	-	25.139.826.696
Chi phí phải trả	614.438.556	-	-	614.438.556
	36.254.265.252	-	-	36.254.265.252
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	2.048.783.165	-	-	2.048.783.165
Phải trả người bán, phải trả khác	22.081.153.545	-	-	22.081.153.545
Chi phí phải trả	72.955.634	-	-	72.955.634
	24.202.892.344	-	-	24.202.892.344

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty TNHH TWX Việt Nam	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu	-	1.130.714.516
Công ty TNHH TWX Việt Nam	-	1.130.714.516
Mua hàng	-	92.695.452
Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long	-	92.695.452
Cổ tức, lợi nhuận được chia	708.066.082	1.073.273.629
Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long	-	45.808.850
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	708.066.082	1.027.464.779

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.753.140.000	445.962.355
Công ty TNHH TWX Việt Nam	-	445.962.355
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	2.753.140.000	-
Phải trả khác	1.500.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	1.500.000.000	2.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	343.350.000	389.251.600
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	1.166.144.685	1.061.149.428

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng


Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

